Báo cáo cập nhật

ACB - Ngân hàng Á Châu

BSC

17/09/2019

Khuyến nghị — MUA

Vương Chí Tâm (PTCB)
tamvc@bsc.com.vn

Giá mục tiêu	26,300
Giá đóng cửa	22,200
Upside	18%

Nguyễn Tiến Đức (PTKT)
ducnt@bsc.com.vn

Giá mục tiêu	26,500
Giá cắt lỗ	18,000

Dữ liệu thị trường

Số lượng cp (tr cp)	1,289
Vốn hóa (tỷ đ)	36,317
Giá cao nhất 52 tuần	26,400
Khối lượng giao dịch bình quân 10 ngày (cp)	868,032
Sở hữu NĐT NN	0%

Cổ đông lớn (%)

Dragon Financial Holding	6.9%
Sather Gate Investment	5.0%
Whistler Investment	5.0%
Standard Chartered Bank	5.0%
First Burns Investments	4.0%

Diễn biến giá

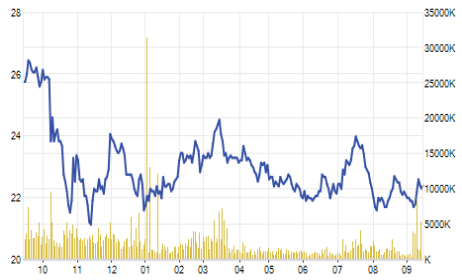

Tổng quan về công ty: ACB được đánh giá cao về chất lượng tài sản do có khẩu vị rủi ro thấp nhất ngành.

TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

Định giá

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** cổ phiếu ACB với quan điểm (1) Chất lượng tài sản tốt và khả năng sinh lời cao, (2) định giá rẻ so với quá khứ.

Dự báo KQKD

Chúng tôi điều chỉnh dự báo của ACB lần lượt tổng thu nhập hoạt động (TOI) và LNTT trong năm 2019 +2.8%/+1.7% với việc thay đổi giả định về thu nhập lãi suất biên (NIM) =3.6% (sv 3.49% với dự báo trước).

Catalyst

(1) Bán cổ phiếu quỹ cải thiện tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) trong thời gian tới.

(2) Định giá hấp dẫn với chất lượng tài sản tốt.

Rủi ro đầu tư

(1) Tốc độ tăng trưởng không cao so với kỳ vọng do giữ vị thế tài sản tốt.

Quan điểm đầu tư *(chi tiết tham khảo trang 2)*

Là ngân hàng tập trung bán lẻ với chất lượng tài sản tốt và khả năng sinh lời cao. Trong 1H2019, ACB đã ghi nhận TOI = 4,861 tỷ VND (+18.5% yoy), LNTT = 3,622 tỷ VND (+15% yoy). Thu nhập lãi thuần +18.5% yoy và đang tiếp tục được cải thiện nhờ (1) Tăng trưởng tín dụng +9.7% ytd, (2) NIM = 3.6% (+11 bps).

Chất lượng tài sản tốt giúp đảm bảo rủi ro trong trường hợp có biến động lớn từ thị trường và giảm trích lập dự phòng. NPL = 0.7%, thấp nhất trong ngành và không có nhiều biến động so với những quý gần đây. Tỷ lệ bao nợ xấu = 160% giúp đảm bảo rủi ro. Chất lượng tài sản tốt giúp ACB hạn chế chi phí trích lập dự phòng, từ đó giúp tăng LN của ACB.

Định giá rẻ so với quá khứ. P/B F 2019 = 1.5x.

1. Là ngân hàng tập trung bán lẻ với chất lượng tài sản tốt và khả năng sinh lời cao.

Trong 1H2019, ACB đã ghi nhận tổng thu nhập hoạt động (TOI) = 4,861 tỷ VND (+18.5% yoy), LNTT = 3,622 tỷ VND (+15% yoy). Xét về quy mô, hiện nay ACB đang ở mức tài sản trung bình (Tổng tài sản – TTS = 350,938 tỷ VND, tương đương với các DN MBB, TCB, VPB,..) cùng mức sinh lời cao so với ngành và đang được cải thiện.

Do có khẩu vị rủi ro cho vay thấp, tiêu chuẩn cho vay của ACB cũng như định hướng sẽ hạn chế tham gia vào các mảng cho vay rủi ro nhằm giữ vị thế tốt khi xét đến chất lượng tài sản.

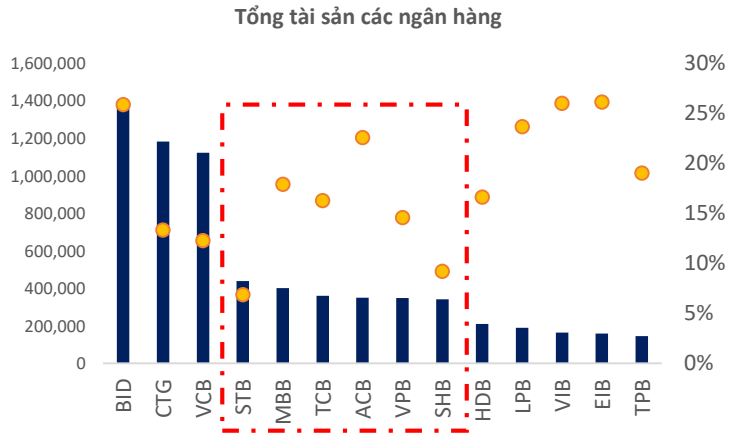

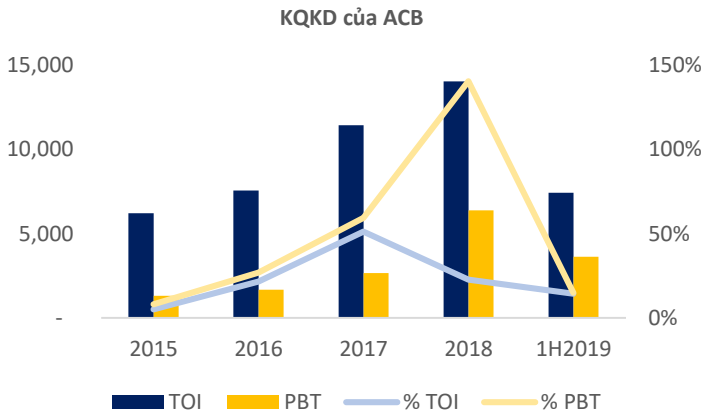

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Thu nhập lãi thuần +18.5% yoy và đang tiếp tục được cải thiện nhờ:

Thu nhập lãi thuần đạt mức 17,078 tỷ VND (+31.4% yoy) nhờ:

- Tăng trưởng tín dụng đạt mức 9.7% ytd. Trong năm 2019, ACB đã xin được cấp hạn mức tín dụng 17% nhờ việc hoàn thành trước hạn Basel II tạo nhiều room tăng trưởng trong 2H2019.
- Trong thời gian tới, ACB tiếp tục tập trung vào cho vay bán lẻ (89% cho vay hiện nay là cá nhân và SME) với NIM cao hơn.
- NIM = 3.6% (+11 bps) nhờ tăng tỷ trọng casa (17.4% trong cơ cấu huy động) + chuyển dịch cơ cấu cho vay.

Việc cải thiện thu nhập lãi và NIM vẫn đang trong dự tính của BSC. Tuy nhiên, chúng tôi điều chỉnh tăng NIM lên mức 3.56% (+7 bps so với báo cáo trước) nhờ việc cơ cấu khoản vay diễn ra tốt hơn so với dự tính của chúng tôi. Trong năm 2019, BSC dự báo thu nhập lãi của ACB đạt mức 13.5% yoy với giả định (1) tăng trưởng tín dụng = 17%, (2) NIM = 3.64%.

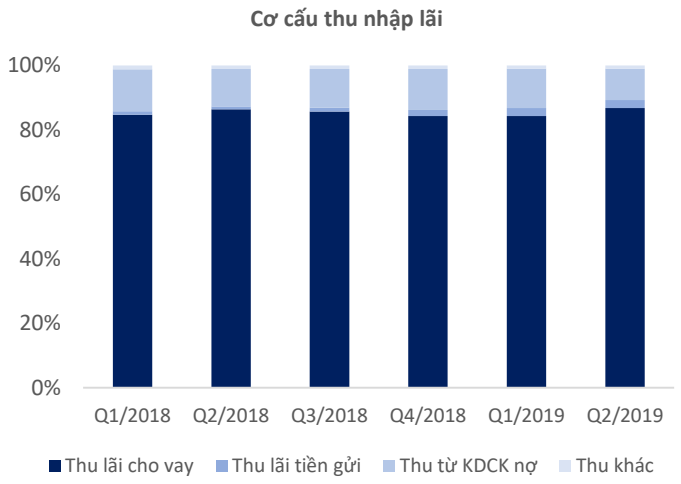

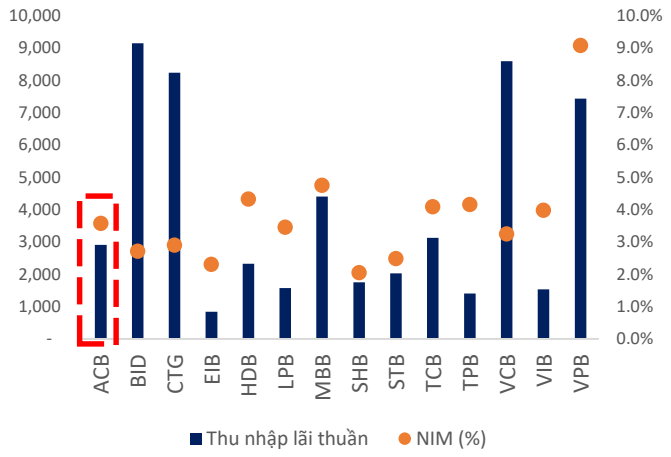

Nguồn: BSC Research, Fiinpro

2. Chất lượng tài sản tốt giúp đảm bảo rủi ro trong trường hợp có biến động lớn từ thị trường và giảm trích lập dự phòng.

Tỷ lệ nợ xấu (NPL) = 0.7%, thấp nhất trong ngành và không có nhiều biến động so với những quý gần đây. Tỷ lệ nợ có vấn đề ròng = -0.2%.

Tỷ lệ bao nợ xấu = 160% giúp đảm bảo rủi ro.

Không có nhiều rủi ro thanh khoản: Huy động từ interbank = 3.5% (thấp), LDR = 81.1% (trong ngưỡng chấp nhận của SBV).

Chất lượng tài sản tốt giúp ACB hạn chế chi phí trích lập dự phòng, từ đó giúp tăng LN của ACB.

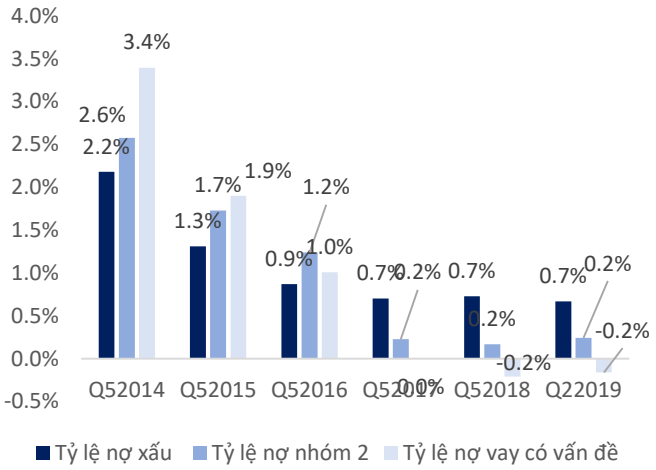

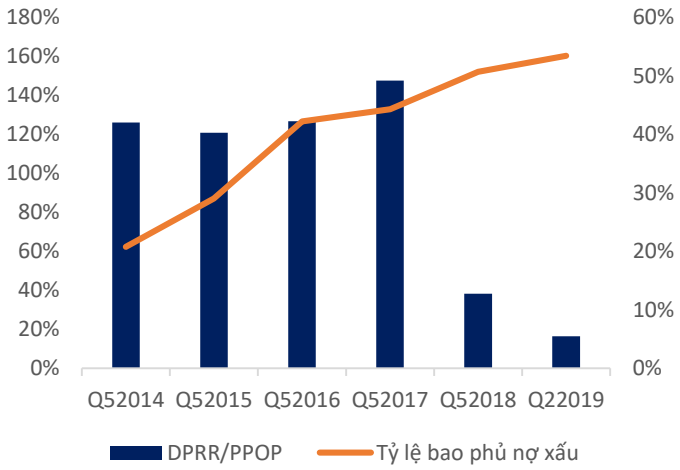

Nguồn: BCTC MBB, BSC Research

3. Định giá rẻ so với quá khứ cùng catalyst bán cổ phiếu quỹ giúp cải thiện CAR.

P/B F 2019 của ACB, theo BSC, ở mức 1.5x, thấp hơn so với trung bình 1.8x quá khứ. BSC cho rằng sau khi giảm giá khá nhiều, ACB là cổ phiếu thích hợp để nắm giữ trong thời gian tới.

Việc bán cổ phiếu quỹ trong thời gian tới nhận được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư. Điều này giúp ACB cải thiện CAR cũng như ghi nhận khoản thặng dư vốn trong tương lai. Chúng tôi kỳ vọng, việc bán cổ phiếu quỹ có thể sẽ diễn ra vào cuối năm 2019, đầu năm 2020.

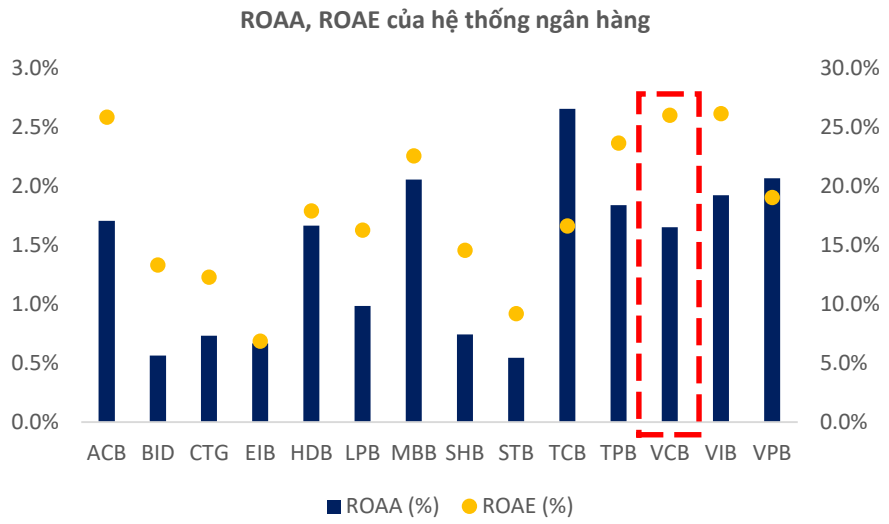

Nguồn: BSC Research

DỰ BÁO VÀ ĐỊNH GIÁ

MUA
TP 26,300 VND/cp
Upside 18%

	2018	2019	2020
TOI	14,033	16,358	18,844
PBT	6,389	7,329	8,562
NIM	3.6%	3.6%	3.6%
ROAA	1.7%	1.7%	1.7%
ROAE	27.7%	25.7%	25.8%
EPS	3,870	3,398	3,609
BVPS	16,311	14,644	15,449
P/E (x)	5.7	6.5	6.2
P/B (x)	1.4	1.5	1.4

Nguồn: BSC Research

Phụ lục 1: Triển vọng ngành ngân hàng trong 2H2019

Môi trường kinh doanh	**Ổn định**	Tăng trưởng GDP ở mức cao, 6.7% trong năm 2019 và 6.5% trong năm 2020, được hỗ trợ bởi đầu tư và tiêu dùng.
		Căng thẳng Mỹ Trung có thể làm giảm tăng trưởng kinh tế thế giới và các nước đối tác chính XNK của 2 nước này, trong đó có Việt Nam.
		Các hiệp định lớn (EVFTA, CPTPP) sẽ hỗ trợ tăng trưởng xuất nhập khẩu vào các nước lớn tại Châu Âu giảm sự phụ thuộc của Việt Nam vào các nước lớn như hiện nay.
		Chỉ số CPI trong 8T2019 tăng 2.26% yoy và được giữ ở mức dưới 4% trong năm 2019.
		Tăng trưởng tín dụng +7.36% ytd trong 6T2019, huy động +5.5% ytd trong 5T2019, M2 +6.4% ytd trong 5T2019. Tăng trưởng tín dụng trong 2019 được BSC kỳ vọng sẽ ở mức 12%-13%, thấp hơn mức SBV đề ra = 14%.
		Lãi suất liên ngân hàng và trái phiếu chính phủ tiếp tục giữ ở mức thấp và có thể giảm nhẹ do giảm lãi suất điều hành.
		Tỷ giá ổn định.
Chất lượng tài sản	**Được cải thiện**	Nợ xấu 2Q2019 ở mức 1.9% < 2% đề ra, tỷ lệ bao nợ xấu ở mức 75.9%. Kỳ vọng mức nợ xấu trong năm 2019 <2%.
		Các ngân hàng đẩy nhanh xử lý nợ xấu + VAMC. Đã nhiều ngân hàng áp dụng thành công tiêu chuẩn Basel II trước hạn.
		Nhiều ngân hàng có mức trích lập dự phòng cao, đảm bảo phòng ngừa rủi ro trong trường hợp kinh tế biến động (VCB, ACB,..)
		Tăng trưởng nhanh về cho vay trong những năm gần đây có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng tài sản trong dài hạn.
		Các ngân hàng giảm tỷ trọng cho vay vào ngành rủi ro (BDS, xây dựng,…), tăng cường huy động vốn dài hạn.
		Tỷ lệ an toàn vốn được cải thiện qua hàng năm và đã nhiều ngân hàng áp dụng thành công tiêu chuẩn Basel II trước hạn.
Khả năng sinh lời	**Được cải thiện**	NII được cải thiện nhờ việc cơ cấu các khoản vay.
		Thu nhập ngoài lãi ngày càng đóng tỷ trọng lớn trong cơ cấu thu nhập của NH với tốc độ tăng trưởng 2 chữ số.
		Các ngân hàng tập trung tiết giảm chi phí, giảm chỉ số CIR toàn ngành.
		Chi phí dự phòng giảm nhờ cải thiện chất lượng tài sản, từ đó giúp tăng LN.
Định giá	**Thấp**	Mặt bằng định giá thấp với khả năng sinh lời cao hơn VN Index.

Nguồn: BSC Research.

Phụ lục 2: Hoạt động kinh doanh của ACB trong 1H2019

VCB	1H2019	1H2018	Thay đổi	Nhận xét
Thu nhập lãi thuần	5,760	4,861	18.5%	NII +18.5% yoy nhờ (1) Tăng trưởng tín dụng đạt 9.7%, (2) NIM = 3.6%.
Thu nhập ngoài lãi	1,679	1,647	1.9%	Thu nhập ngoài lãi +1.9% yoy nhờ phí dịch vụ +19% yoy, lãi từ kinh doanh chứng khoán đầu tư -113% yoy
Trong đó: Thu nhập từ phí dịch vụ	892	747	19.4%	
Tổng thu nhập hoạt động	7,439	6,508	14.3%	Tăng trưởng tín dụng dự kiến đạt 17% trong năm 2019.
Chi phí hoạt động	(3,721)	(2,912)	27.8%	
LN trước dự phòng	3,718	3,596	3.4%	
Chi phí dự phòng	(95)	(445)	-78.6%	
LNTT	3,622	3,151	15.0%	
Tăng trưởng tín dụng (%)	9.7%	13%	-3.3%	
NPL	0.7%	0.8%	-12 bps	
LLCR	160.2%	130.8%	29.4%	
LDR	86.1%	82.8%	3.2%	
NIM	3.6%	3.5%	+11 bps	Chất lượng tài sản được giữ ở mức tốt, CIR tăng lên mức 50% do thuê thêm nhân viên.
CIR	50.0%	44.7%	5.3%	
ROAA	1.7%	1.7%	0.05%	
ROAE	25.7%	28.8%	-3.1%	

Nguồn: VCB BCTC, BSC Research.

Phụ lục 3: Tình hình hoạt động của các ngân hàng niêm yết

Q22019	ACB	BID	CTG	HDB	LPB	MBB	STB	TCB	TPB	VCB	VIB	VPB
1. QUY MÔ												
Vốn điều lệ	**12,886**	34,187	37,234	9,810	8,881	21,605	18,852	34,966	8,566	37,089	7,835	25,300
VCSH	**23,834**	57,589	72,497	18,604	11,877	35,526	25,499	56,366	11,282	77,337	11,621	38,208
Tổng tài sản	**350,938**	1,400,186	1,183,796	210,291	189,955	402,264	439,170	360,663	145,716	1,122,970	163,856	348,732
Vốn chủ sở hữu/TTS	**6.8%**	4.1%	6.1%	8.8%	6.3%	8.8%	5.8%	15.6%	7.7%	6.9%	7.1%	11.0%
2. TĂNG TRƯỞNG												
% tài sản	**6.6%**	6.6%	1.7%	-2.7%	8.5%	11.0%	8.2%	12.4%	7.0%	4.6%	17.7%	7.9%
% cho vay	**8.8%**	7.7%	2.4%	11.9%	8.4%	11.3%	8.9%	15.9%	15.3%	10.1%	19.1%	11.6%
% tiền gửi	**7.9%**	7.1%	2.5%	1.6%	4.1%	7.9%	11.1%	9.4%	6.2%	8.6%	16.8%	15.5%
% TOI	**23.2%**	11.9%	18.1%	14.5%	70.4%	28.5%	23.7%	17.3%	31.2%	22.1%	34.5%	29.5%
% LN thuần trước DPRR	**2.8%**	19.7%	32.6%	11.9%	169.3%	34.5%	9.8%	9.5%	37.0%	34.1%	52.1%	28.0%
% PBT	**15.3%**	-9.4%	-2.5%	9.2%	445.3%	28.3%	-18.8%	15.9%	49.9%	48.3%	59.8%	45.7%
3. CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN												
Tỷ lệ nợ nhóm 2	**0.2%**	2.5%	0.8%	1.4%	1.3%	1.3%	0.4%	1.5%	2.5%	0.6%	1.2%	5.1%
Tỷ lệ nợ xấu	**0.7%**	2.0%	1.5%	1.4%	1.5%	1.3%	2.0%	1.8%	1.5%	1.0%	2.2%	3.4%
Tỷ lệ nợ vay có vấn đề	**-0.2%**	3.0%	0.8%	1.8%	1.6%	1.3%	1.0%	1.9%	2.8%	-0.2%	2.4%	6.8%
DPRR nợ xấu/ Tổng dư nợ	**1.1%**	1.4%	1.5%	1.1%	1.1%	1.2%	1.4%	1.4%	1.3%	1.8%	1.0%	1.7%
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	**160.2%**	72.5%	100.1%	74.7%	77.9%	97.6%	68.5%	77.1%	83.9%	177.5%	44.0%	48.5%
DPRR nợ xấu/Nợ nhóm 2-5	**117.4%**	32.2%	63.8%	37.8%	41.3%	48.1%	57.3%	41.6%	31.2%	115.0%	28.3%	19.6%
Huy động từ interbank/Tổng huy động	**3.5%**	3.8%	8.2%	11.2%	8.5%	14.7%	0.2%	16.8%	19.6%	5.1%	15.0%	6.2%
Lãi, phí phải thu/ Cho vay	**1.0%**	1.2%	0.8%	2.6%	3.2%	1.6%	7.6%	2.5%	1.6%	1.1%	1.3%	1.8%
Đòn bẩy tài chính	**14.7**	24.3	16.3	11.3	16.0	11.3	17.2	6.4	12.9	14.5	14.1	9.1
LDR	**81.1%**	94.0%	90.0%	82.1%	80.6%	80.5%	70.4%	70.5%	76.1%	81.5%	85.5%	93.6%
4. HIỆU QUẢ KINH DOANH												
Tổng thu nhập hoạt động	**3,949**	11,995	10,037	2,708	1,626	6,158	3,301	4,688	1,917	11,303	1,948	8,869
LN thuần trước DPRRTD	**2,026**	7,775	6,418	1,415	661	3,851	1,016	3,117	1,122	7,236	1,174	5,826
LNTT (tỷ đ)	**1,915**	2,251	2,182	1,109	605	2,451	400	3,045	767	5,425	1,010	2,560
Thu nhập lãi thuần/TOI	**73.5%**	76.2%	82.0%	85.8%	96.1%	71.4%	61.3%	66.6%	73.3%	75.9%	78.6%	83.7%
CASA	**17.4%**	15.0%	15.2%	10.2%	13.3%	33.0%	15.6%	30.4%	18.0%	30.6%	12.1%	10.4%
Lãi suất gộp BQ	**8.4%**	7.7%	7.3%	9.5%	9.5%	8.6%	8.1%	7.4%	9.0%	6.3%	8.9%	15.4%
LS huy động vốn BQ	**5.1%**	5.2%	4.6%	5.2%	6.0%	3.9%	5.7%	3.8%	4.8%	3.3%	5.0%	6.4%
Lãi suất ròng	**3.4%**	2.5%	2.7%	4.3%	3.5%	4.7%	2.4%	3.6%	4.2%	3.1%	3.9%	9.1%
NIM	**3.6%**	2.7%	2.9%	4.3%	3.5%	4.7%	2.5%	4.1%	4.2%	3.2%	4.0%	9.1%
DPRR/PPOP	**5.5%**	71.0%	66.0%	21.6%	8.5%	36.3%	60.6%	2.3%	31.7%	25.0%	13.9%	56.1%
CIR	**50.0%**	31.8%	34.9%	47.0%	56.4%	37.7%	63.4%	35.0%	44.3%	36.6%	41.6%	35.8%
ROAA (%)	**1.7%**	0.6%	0.7%	1.7%	1.0%	2.1%	0.5%	2.7%	1.8%	1.7%	1.9%	2.1%
ROAE (%)	**25.9%**	13.3%	12.3%	17.9%	16.3%	22.6%	9.2%	16.6%	23.7%	26.0%	26.1%	19.0%
5. ĐỊNH GIÁ												
EPS (đồng/cp)	**4,758**	2,068	1,898	3,206	2,195	3,700	652	2,756	2,863	4,703	4,127	3,239
Giá trị ghi sổ (đ/cp)	**18,496**	16,845	19,471	18,964	13,373	16,444	13,526	16,120	13,171	20,852	14,833	15,102
PER (x)	**6.8**	16.7	13.9	8.8	4.8	6.8	8.6	8.3	8.4	16.7	5.7	6.5
PBR (x)	**1.5**	2.2	1.1	1.5	0.6	1.4	0.7	1.3	1.6	3.8	1.4	1.2

Nguồn: BSC Research

Phụ lục 4: Dự báo KQKD của ACB

	2018	2019F	2020F
Thu nhập lãi thuần	10,363	12,023	14,074
Lãi thuần từ HĐ dịch vụ	1,498	1,797	2,156
Lãi thuần từ KĐ ngoại hối	241	236	236
Lãi thuần từ mua bán CKĐT	169	216	273
Lãi thuần từ HĐ khác	1,815	2,050	2,070
Thu nhập từ góp vốn	26	27	27
Tổng thu nhập hoạt động	**14,033**	**16,358**	**18,844**
Chi phí hoạt động	(6,712)	(7,852)	(9,045)
LN thuần trước DPRR	**7,321**	**8,506**	**9,799**
Chi phí DPRR	(932)	(1,178)	(1,237)
LNTT	**6,389**	**7,329**	**8,562**
Chi phí thuế TNDN	(1,252)	(1,466)	(1,712)
LNST	**5,137**	**5,863**	**6,850**
Lợi ích của CDTS	-	-	-
Cổ đông của Công ty mẹ	**5,137**	**5,863**	**6,850**

	2018	2019F	2020F
TỔNG TÀI SẢN	**329,333**	**377,185**	**429,085**
Tiền mặt, vàng, đá quý	6,129	7,171	8,175
Tiền gửi tại SBV	10,684	12,102	13,637
Gửi + cho vay các TCTD khác	18,770	21,253	29,852
Chứng khoán kinh doanh	1,178	1,178	1,178
Các CCPS và các TSTC khác	-	-	-
Cho vay khách hàng	227,983	266,588	303,804
Chứng khoán đầu tư	53,380	57,087	60,060
Góp vốn, đầu tư dài hạn	156	156	156
Tài sản cố định	3,233	3,236	3,239
Tài sản Có khác	7,573	8,161	8,727
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VCSH	**329,333**	**377,185**	**429,085**
Tổng nợ phải trả	**308,315**	**352,653**	**400,617**
Các khoản nợ CP + SBV	3,074	3,074	3,074
Tiền gửi vay các TCTD khác	20,718	22,790	25,069
Tiền gửi của khách hàng	269,999	311,737	356,853
Các CCPS + nợ TC khác	38	38	38
Phát hành GTCG	8,291	8,291	8,291
Các khoản nợ khác	6,035	6,562	7,132
Vốn chủ sở hữu	**21,018**	**24,532**	**28,467**
Vốn điều lệ	12,886	16,752	18,427
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
Cổ phiếu Quỹ	(666)	(666)	(666)
Vốn khác	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	5,105	4,753	7,013

	2018	2019F	2020F
1. QUY MÔ			
Số lượng chi nhánh	359	363	367
Số lượng nhân viên	11,008	11,241	11,477
II. CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN			
1. Chỉ số an toàn vốn			
CAR Basel II	12.7%	12.7%	12.8%
VCSH/TTS	6.4%	6.5%	6.6%
Đòn bẩy tài chính	15.7	15.4	15.1
2. Chất lượng tài sản			
Tỷ lệ nợ nhóm 2	0.2%	0.2%	0.2%
Tỷ lệ nợ xấu	0.7%	0.7%	0.7%
Tỷ lệ nợ xấu (Bao gồm VAMC)	0.7%	0.7%	0.7%
Tỷ lệ nợ vay có vấn đề	-0.2%	-0.3%	-0.3%
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	151.9%	160.0%	165.0%
DPRR/Nợ nhóm 2-5	123.6%	130.2%	134.3%
3. Chỉ số thanh khoản			
LDR	78.5%	80.0%	80.0%
Tài sản lỏng/TTS	27.4%	26.2%	26.3%
Tài sản lỏng/Tiền gửi KH	33.4%	31.7%	31.6%
Huy động interbank/Tổng HĐ	6.9%	6.6%	6.4%
III. HIỆU QUẢ SINH LỜI			
% tín dụng	16.0%	17.0%	14.0%
Thu nhập lãi thuần/TOI	73.8%	73.5%	74.7%
Tỷ lệ casa	17.5%	17.5%	17.5%
Lãi suất gộp bình quân	8.2%	8.4%	8.5%
Lãi suất huy động vốn BQ	4.7%	4.9%	5.0%
Lãi suất ròng	3.5%	3.5%	3.5%
NIM	3.6%	3.6%	3.6%
Chi phí DPRR/LN trước DPRR	0.13	0.14	0.13
CIR	0.48	0.48	0.48
ROAA	1.7%	1.7%	1.7%
ROAE	27.7%	25.7%	25.8%
IV. ĐỊNH GIÁ			
EPS (VND/cp)	3,870	3,398	3,609
BVPS (VND/cp)	16,311	14,644	15,449
V. TĂNG TRƯỞNG			
% TTS	15.8%	14.5%	13.8%
% cho vay KH	15.9%	16.9%	14.0%
% tiền gửi KH	11.9%	15.5%	14.5%
% LNTT	40.2%	16.2%	15.2%
% NPATMI	140.5%	14.7%	16.8%

Nguồn: BSC Research

ACB – Ngân hàng Á Châu

Phân tích kỹ thuật

ACB_ Con rồng chưa thức giấc

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy dài hạn.

- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm sát đường tín hiệu.

- Chỉ báo RSI: Dùng dằng quanh ngưỡng 50

- Đường MA: EMA12 vẫn nằm dưới EMA26.

Nhận định: ACB đang nằm trong chuỗi ngày tích lũy kéo dài khi liên tục dao động tại vùng giá 22 – 24 suốt gần 1 năm nay. Các chỉ báo kỹ thuật hầu hết đều chưa đưa ra tín hiệu rõ ràng về việc có thể hình thành một xu hướng mới. Đồng thời, đường EMA12 hiện vẫn chưa thể vượt lên trên đường EMA26, chỉ ra rằng nhịp điều chỉnh từ vùng giá 34 của ACB vẫn còn tiếp diễn. Thanh khoản cổ phiếu về dài hạn vẫn đang trong chiều hướng giảm, cho thấy dòng tiền lớn vẫn chưa quay trở lại với ACB nói riêng và toàn thị trường nói chung. Ngưỡng hỗ trợ trung hạn của cổ phiếu tại khu vực 18 - 19. Dự kiến nếu vượt qua được mốc 24, ACB có thể tiến về ngưỡng kháng cự tiếp theo tại vùng giá 26 - 27, trước khi chinh phục lại mức giá 30.

Khuyến nghị: Nhà đầu tư nên tiếp tục theo dõi cổ phiếu này trước khi xuất hiện một tín hiệu thực sự rõ ràng. Vùng mua hợp lý của ACB nằm ở khu vực 20 – 24. Chốt lãi một phần khi cổ phiếu dao động quanh vùng 26.5, cân nhắc chốt lãi toàn bộ tại mức giá 29, cắt lỗ nếu mốc 18 bị xuyên thủng.

Đồ thị kỹ thuật ACB

Nguồn: Amibroker, BSC

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về Vĩ mô, ngành và doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

https://www.bsc.com.vn
https://www.facebook.com/BIDVSecurities

Bloomberg: RESP BSCV <GO>